

Bản án số: 769/2022/HSPT

Ngày: 07-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Các Thẩm phán: 1. Bà Đặng Thị Thanh Huyền

2. Bà Chủ Phương Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 461/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HSST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979.

ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kế O (đã chết) và bà Nguyễn Thị N4; có vợ Nguyễn Thị N5 và 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000313 lập ngày 01/7/2021 tại Công an huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa;*

2. Võ Xuân H, sinh năm 1974.

ĐKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Xuân M (đã chết) và bà Mai Thị G (bị cáo khai tại phiên tòa: bà Mai Thị G đã chết); có vợ Nguyễn Thị Bích T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2007); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000332 lập ngày 19/7/2021 tại Công an huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa;*

3. Đinh Mạnh T2, sinh năm 1983.

ĐKHKT và nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn P và bà Vũ Thị O; có vợ Hoàng Thị X và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000330 lập ngày 19/7/2021 tại Công an huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa;*

4. Nguyễn Phan H1, sinh năm 1979 (tên gọi khác: Long).

ĐKHKT và nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phan H và bà Phạm Thị H; có vợ Nguyễn Thị X1 và 02 con (bị cáo khai tại phiên tòa: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000333 lập ngày 19/7/2021 tại Công an huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; *có mặt tại phiên tòa;*

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phan H1:** Ông Nguyễn Văn Đại và bà Phạm Thu Chà, Luật sư của Công ty Luật TNHH Việt Phong, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; ông Đại có mặt, bà Chà vắng mặt tại phiên tòa;

*** Bị hại:** Công ty Cổ phần Viglacera Hữu Hưng (nay đổi tên là Công ty Cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng).

Trụ sở: Thôn C, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy T2 – Giám đốc; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2 và Bùi Văn Y đều là bảo vệ của Công ty cổ phần Viglacera Hữu Hưng nay đổi tên thành Công ty cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng.

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 17/02/2021, Nguyễn Văn T1 và Đinh Mạnh T2 đến ca trực bảo vệ. Cả hai rủ nhau lấy tài sản trong Công ty đem bán lấy tiền. Đinh Mạnh T2 gọi điện cho Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 đến Công ty, rồi tất cả cùng thống nhất lấy vật tư, máy móc của Công ty ở khu vực nhà cáng kính (giáp trạm điện). Võ Xuân H lấy máy nâng của Công ty cùng với Nguyễn Văn T1 và Đinh Mạnh T2 nâng 01 (một) động cơ điện ba pha 100kw-1.450 vòng/phút, 01 (một) động cơ điện ba pha 55kw-980 vòng/phút, 01 (một) hộp giảm tốc ZQ 350 lên xe ô tô tải biển số 29H-1906 do Nguyễn Phan H1 điều khiển. Sau khi lấy được tài sản, cả bốn đưa đến trạm cân của xí nghiệp thức ăn chăn nuôi An Khánh ở thôn Trường An, xã An Khánh, huyện H cân được 4.570kg và bán cho chị Dương Thị N4 theo giá sát vụn được 32.000.000 đồng. Đinh Mạnh T2 nhận tiền rồi chia cho mỗi người 8.000.000 đồng.

Sau đó, khoảng 23 giờ 00 phút ngày 24/02/2021 là ca trực bảo vệ của Nguyễn Văn T1 và Bùi Văn Y (là bảo vệ phụ trách công chính). Nguyễn Văn T1 gọi điện cho Võ Xuân H đến lấy tài sản của Công ty đi bán thì H đồng ý. Bùi Văn Y biết việc Tuấn và H rủ nhau trộm cắp tài sản và nói: “*Chúng mày làm gì thì làm đừng để ảnh hưởng đến tao*”. Sau đó, Võ Xuân H gọi cho Nguyễn Phan H1 nhưng không liên lạc được nên gọi điện cho Bùi Đức H (là lái xe có chiếc ô tô tải biển số 33H-6503 gửi trong Công ty) rủ H trộm cắp tài sản. Khi Bùi Đức H đến thì Võ Xuân H dẫn xuống khu vực nhà cáng kính rồi

Nguyễn Văn T1, Võ Xuân H, Bùi Đức H thống nhất trộm cắp: 01 (một) hộp giảm tốc ZQ 350, 01 (một) máy nén khí TA 120, 01 (một) trục nhào hai trục, 03 (ba) khẩu ruột gà đùn máy CMK 502. Võ Xuân H điều khiển xe nâng các tài sản lên xe ô tô tải biển số 33H-6503 do Bùi Đức H điều khiển sau đó cả ba chở đến trạm cân của xí nghiệp thức ăn chăn nuôi An Khánh ở thôn Trường An, xã An Khánh, H cân được 1.522kg rồi tiếp tục bán cho chị Dương Thị N4 được 13.700.000 đồng. Nguyễn Văn T1 nhận tiền, trên đường về Công ty Tuấn chia tiền trước cho Xuân H và Đức H mỗi người 1.500.000 đồng còn Tuấn giữ 1.700.000 đồng. Về Công ty, Tuấn tiếp tục chia đều cho bốn người gồm Tuấn, Xuân H, Đức H và Bùi Văn Y mỗi người 2.250.000 đồng.

Ngày 27/02/2021, Công ty cổ phần Viglacera Hữu Hưng phát hiện số vật tư, máy móc ở khu vực nhà cẩu kính bị mất và đã hỏi bộ phận bảo vệ nhưng tất cả đều nói không biết nên đã trình báo Cơ quan Công an. Tại Cơ quan Công an, Công ty cổ phần Viglacera Hữu Hưng cung cấp toàn bộ số tài sản trên được làm bằng sắt, đã qua sử dụng từ trước năm 2000, bị hư hỏng hoàn toàn, không sử dụng được đang trong quá trình thanh lý phế liệu, tổng giá trị các tài sản trên khoảng 40.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 238/KL- HĐĐGTS ngày 17/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H, kết luận:

- 01 (một) động cơ điện ba pha 100kw-1.450 vòng/phút
- 01 (một) động cơ điện ba pha 55kw-980 vòng/phút
- 01 (một) hộp giảm tốc ZQ 350

Toàn bộ các tài sản trên được làm bằng sắt, đã qua sử dụng từ trước năm 2000, bị hư hỏng hoàn toàn, có tổng khối lượng là 4.570kg, có tổng giá trị là 31.533.000 đồng (ba mươi một triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 239/KL- HĐĐGTS ngày 17/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H kết luận:

- 01 (một) máy nén khí TA 120
- 01 (một) trục nhào hai trục
- 01 (một) hộp giảm tốc ZQ 350
- 03 (ba) khẩu ruột gà đùn máy CMK 502

Toàn bộ các tài sản trên được làm bằng sắt, đã qua sử dụng từ trước năm 2000, bị hư hỏng hoàn toàn, có tổng khối lượng là 4.570kg, có giá trị là 12.023.800 đồng (mười hai triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

Quá trình điều tra, thu giữ:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Huyndai biển kiểm soát 29H-1096, số khung KMFFA17APTU291036, số máy D4BAS129131, xe đã qua sử dụng (do anh Nguyễn Tuấn Anh tự nguyện giao nộp);

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Huyndai biển số 33H-6503, số máy: D4BAS124453; số khung KMFFA17APTU288822, xe đã qua sử dụng (do Bùi Đức H tự nguyện giao nộp);

- Số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) do Bùi Văn Y tự nguyện giao nộp;

- Số tiền 11.750.000 đồng (mười một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) do Võ Xuân H tự nguyện giao nộp.

Tại Cơ quan điều tra, chị Dương Thị N4 khai nhận đã mua số tài sản trên tuy nhiên chị N4 không biết các tài sản trên do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý. Ngày 26/02/2021, chị N4 bán số tài sản trên cho một người đàn ông không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 10/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H ra Thông báo truy tìm số 08 đối với số tài sản trên đến nay chưa tìm được vật chứng.

Ngày 15/4/2021, Công ty cổ phần Viglacera Hữu Hưng đổi tên thành Công ty cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng. Qua làm việc với Công ty cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng đã cung cấp Quy chế làm việc của lực lượng bảo vệ ban hành tháng 3/2007 và Nội quy lao động ban hành tháng 9/2017 thể hiện: Lực lượng bảo vệ có nhiệm vụ quản lý người, hàng hoá ra vào công ty, tuần tra canh gác đảm bảo an toàn, khi có sự việc báo cáo cấp trên và phối hợp với lực lượng chức năng xử lý vụ việc (không có trách nhiệm quản lý tài sản). Ngoài ra, Công ty xác định số tài sản bị mất đã được giao cho Phòng Kế hoạch Kỹ thuật của công ty cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng quản lý trực tiếp mà không thuộc trách nhiệm quản lý của lực lượng bảo vệ.

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Huyndai biển kiểm soát 29H-1096, số khung KMFFA17APTU291036, số máy D4BAS129131, Nguyễn Phan H1 khai chiếc xe là của anh Nguyễn Tuấn Anh. Tại cơ quan Công an, anh Nguyễn Tuấn Anh khai: Chiếc xe ô tô biển số 29N-1096 anh Nguyễn Tuấn Anh mua từ năm 2016 của một người đàn ông không quen biết, không rõ lai lịch, địa chỉ và không có giấy tờ mua bán. Anh thuê Nguyễn Phan H1 lái chiếc xe ô tô biển số 29N-1096 và giao chiếc xe ô tô trên cho Nguyễn Phan H1 sử dụng. Anh Tuấn Anh không biết và không liên quan đến việc trộm cắp tài sản của Nguyễn Phan H1. Qua xác minh xác định chủ sở hữu đứng tên trong đăng ký chiếc xe ô tô trên là bà Vũ Thị Thuý Nga có địa chỉ tại Tập thể

trường Đại học Tổng hợp, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Xác minh tại Công an phường Đông Mác được cung cấp không có công dân Vũ Thị Thuý Nga sinh sống tại địa bàn phường. Qua tra cứu chiếc xe ô tô trên không có trong dữ liệu ô tô vật chứng.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Huyndai biển số 33H-6503, số máy: D4BAS124453; số khung KMFFA17APTU288822, Bùi Đức H khai: Năm 2009 H mua chiếc xe của một người đàn ông không quen biết, không rõ lai lịch, địa chỉ và không có giấy tờ mua bán. Qua xác minh xác định chủ sở hữu đứng tên trong đăng ký chiếc xe ô tô trên là ông Phạm Vũ Mây có địa chỉ tại thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Ông Mây khai: ông mua chiếc xe để sử dụng, đến năm 2008 ông bán cho một người đàn ông không quen biết, không rõ nhân thân lai lịch và không có giấy tờ mua bán. Qua tra cứu chiếc xe ô tô trên không có trong dữ liệu ô tô vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần gồm xây dựng Hữu Hưng đã được các bị cáo bồi thường, nên không có yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H, Nguyễn Phan H1, Bùi Đức H và Bùi Văn Y đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 157/CT-VKSHĐ ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, cáo trạng còn truy tố 02 bị cáo khác theo quy định của pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2022/HSST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 **24** (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Võ Xuân H **18** (*mười tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đinh Mạnh T2 **12** (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan H1 **12** (*mười hai*) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, điều luật và mức hình phạt đối với 02 bị cáo khác, tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các ngày 21/4/2022, 22/4/2022 và 28/4/2022, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 lần lượt có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Về hình thức kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định mức hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, 18 tháng tù đối với bị cáo Võ Xuân H, 12 tháng tù đối với mỗi bị cáo Đinh Mạnh T2 và Nguyễn Phan H1 là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 giao nộp tài liệu thể hiện bổ đề của bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo Võ Xuân H giao nộp tài liệu thể hiện bị cáo có người thân (ông Võ Xuân Minh) là người có công với cách mạng; đại diện bị hại là Công ty gốm Xây dựng Hữu Hưng tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Võ Xuân H và trực tiếp trình bày tại phiên tòa, đề nghị cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo. Cụ thể:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Võ Xuân H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đinh Mạnh T2 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan H1 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phan H1 nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Phan H1, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận, tạo điều kiện cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1, lời khai của bị hại, vật chứng thu được, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 17/02/2021, Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 lợi dụng ca trực chiếm đoạt: 01 (một) động cơ điện ba pha 100kw-1.450 vòng/phút, 01 (một) động cơ điện ba pha 55kw-980 vòng/phút, 01 (một) hộp giảm tốc ZQ 350 của Công ty cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng, tổng trị giá 31.533.000 đồng.

Ngày 24/02/2021, Nguyễn Văn T1, Võ Xuân H, Bùi Văn Y và Bùi Đức H cùng thủ đoạn như trên chiếm đoạt: 01 (một) hộp giảm tốc ZQ 350, 01 (một) máy nén khí TA 120, 01 (một) trục nhào hai trục, 03 (ba) khẩu ruột gà đùn máy CMK 502 của Công ty cổ phần gốm xây dựng Hữu Hưng, tổng trị giá 12.023.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo Nguyễn Văn T1 và bị cáo Võ Xuân H hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; ngoài ra, xem xét bị cáo Đinh Mạnh T2, Nguyễn Phan H1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo; xem xét bị cáo Võ Xuân H có bố đẻ là người có công với cách mạng để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đúng với các quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo và quyết định mức hình phạt 24 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, 18 tháng tù đối với bị cáo Võ Xuân H, 12 tháng tù đối với mỗi bị cáo Đinh Mạnh T2, Nguyễn Phan H1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T1 giao nộp tài liệu thể hiện bố đẻ của bị cáo là người có công với cách mạng (Bút lục 770-775), bị cáo Võ Xuân H giao nộp tài liệu thể hiện bị cáo có người thân (ông Võ Xuân Minh) là người có công với cách mạng (Bút lục 781-784), đại diện bị hại là Công ty gồm Xây dựng Hữu Hưng tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T1, Võ Xuân H nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, đại diện Công ty gồm Xây dựng Hữu Hưng đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo Nguyễn Văn T1, Võ Xuân H phạm tội 02 lần nhưng mỗi lần đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo và sửa quyết định của bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[4]Hội đồng xét xử sửa quyết định của bản án sơ thẩm nên các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1, sửa Quyết định của bản án sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

+ **Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”** nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ **Xử phạt bị cáo Võ Xuân H 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”** nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Võ Xuân H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Võ Xuân H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

+ **Xử phạt bị cáo Đinh Mạnh T2** 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đinh Mạnh T2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Đinh Mạnh T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đinh Mạnh T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+ **Xử phạt bị cáo Nguyễn Phan H1** 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Phan H1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Phan H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Phan H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Đinh Mạnh T2, Võ Xuân H và Nguyễn Phan H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/9/2022.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an huyện H;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm